

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp, hình thức, mức phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Các hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp;

b) Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 211 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm: thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội; không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu công nghiệp thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó; sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 213 của Luật Sở hữu trí tuệ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này; sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này.

3. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Nguyên tắc xử phạt

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp khi có hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Mọi vi phạm hành chính khi được phát hiện phải kịp thời đình chỉ ngay. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp phải do người có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này tiến hành theo đúng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

4. Một hành vi vi phạm chỉ bị xử phạt một lần; một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì bị xử phạt từng hành vi; nhiều người thực hiện cùng một hành vi vi phạm thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, mức xử phạt và các biện pháp xử lý thích hợp theo quy định Nghị định này.

6. Không xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc đối với cá nhân vi phạm trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

7. Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện cùng lúc nhiều hành vi vi phạm, trong đó có vi phạm về sở hữu công nghiệp thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

8. Trường hợp khi xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cùng cấp giải quyết.

Nghiêm cấm áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm về sở hữu công nghiệp.

Điều 3. Hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính: đối với mỗi hành vi vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Phạt cảnh cáo: áp dụng đối với trường hợp vô ý vi phạm; vi phạm nhỏ, lần đầu và có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.

3. Phạt tiền: căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền quyết định mức phạt tiền trong khung phạt đã quy định.

Đối với hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó trong trường hợp không có tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu và mức tối đa.

Vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm dưới mức tối thiểu của khung tiền phạt đã quy định.

Vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên, nhưng không được tăng trên mức tối đa của khung tiền phạt đã quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tịch thu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý;

b) Tịch thu văn bằng bảo hộ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp bị sửa chữa, tẩy xóa;

c) Tịch thu giấy tờ, tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc giả mạo;

d) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

đ) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn Thẻ giám định viên.

e) Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ vi phạm.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên sản phẩm, hàng hóa, phương tiện kinh doanh;

b) Buộc tiêu hủy hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp;

- c) Buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;
- d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng quá cảnh vi phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc buộc tái xuất hàng hóa vi phạm, hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ các yếu tố vi phạm trên hàng hóa;
- đ) Buộc bổ sung chỉ dẫn về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;
- e) Buộc cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các hành vi chỉ dẫn sai về quyền sở hữu công nghiệp;
- g) Buộc thu hồi tang vật, phương tiện bị tẩu tán.

Điều 4. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

1. Tình tiết giảm nhẹ gồm:

- a) Người vi phạm đã thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn, khắc phục hoặc hạn chế tác hại của hành vi vi phạm hoặc đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;
- b) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi;
- c) Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra;
- d) Thực hiện hành vi vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;
- đ) Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;
- g) Vi phạm do không hiểu biết về sở hữu công nghiệp;
- h) Thực hiện hành vi vi phạm từ quan hệ hợp đồng đặt hàng, giao việc mà không biết đó là hành vi vi phạm.

2. Tình tiết tăng nặng gồm:

- a) Vi phạm có tổ chức;